

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TIẾN ĐỘ TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HUỲNH THỊ THÙY DƯƠNG
LÊ THỊ TƯỜNG VY
PHẠM VĂN TẠC
Trường Đại học Đồng Tháp

Nhận bài ngày 20/7/2026. Sửa chữa xong 20/8/2026. Duyệt đăng 22/8/2026.

Abstract

This study identifies the factors affecting the graduation timelines of English Language students at Dong Thap University. Data were collected from 100 students using a questionnaire based on a five-point Likert scale. Cronbach's alpha reliability testing and exploratory factor analysis (EFA) indicated that all measurement scales demonstrated satisfactory reliability and validity. Descriptive statistical results showed that four groups of factors—personal, familial, institutional, and social—influenced students' graduation timelines. Family-related factors were perceived as having the greatest influence, followed by social, institutional, and personal factors. Based on these findings, the study proposes several recommendations involving families, the university, students, and the broader social environment to support timely graduation and improve educational outcomes.

Keywords: Delayed graduation, Dong Thap University, English Language program, factors affecting graduation, graduation timelines.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi số mạnh mẽ, chất lượng nguồn nhân lực bậc cao đóng vai trò quyết định đến năng lực cạnh tranh của quốc gia. Các cơ sở giáo dục đại học không chỉ chịu trách nhiệm trang bị chuyên môn mà còn phải đảm bảo người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn bởi trong thực tế hiện nay “*Kết quả học tập không chỉ là mục tiêu quan trọng hàng đầu của người học mà còn là chủ đề thu hút sự quan tâm đặc biệt của các nhà giáo và cơ sở giáo dục, đào tạo*” (Nguyễn và cộng sự, 2020). Bàn về vấn đề này, Nguyễn Thị Quý (2025) cho rằng “*Kết quả học tập của sinh viên (SV) là một trong những minh chứng về chất lượng giáo dục của nhà trường nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của quốc gia và hội nhập quốc tế - một sứ mệnh mà ngành Giáo dục đại học phải thực hiện*” (Nguyễn, 2024). Thực tế cho thấy, đào tạo theo học chế tín chỉ vừa tạo ra sự linh hoạt cho SV nhưng cũng có một vấn đề bất cập, đó là SV tốt nghiệp trễ tiến độ. Khảo sát ở một vài trường đại học cho thấy tỷ lệ này khá cao: năm học 2014-2015 là 21%, năm học 2015-2016 là 47%, năm học 2016-2017 là 43%, năm học 2017-2018 là 50,4% (Đình và cộng sự, 2018). Nêu rõ những hệ quả của việc SV tốt nghiệp trễ tiến độ, tác giả Lê Văn Nhương và cộng sự (2026) đã kết luận “*Việc tốt nghiệp chậm tiến độ không chỉ ảnh hưởng đến đến chỉ tiêu tuyển sinh, kế hoạch đào tạo và nâng cao chất lượng học tập của SV mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí học tập, chi phí sinh hoạt và cơ hội việc làm của từng cá nhân SV*” (Lê và Nguyễn, 2023). Hơn thế nữa, một nghiên cứu khác đã chỉ ra rằng việc tốt nghiệp trễ tiến độ còn “*Ảnh hưởng trực tiếp đến việc tìm kiếm việc làm, khả năng nắm bắt cơ hội kinh doanh, cơ hội thăng tiến và học tập sau đại học của SV*” (Nguyễn, 2024).

Là một trong những cơ sở giáo dục đại học có truyền thống đào tạo hơn 40 năm, Trường Đại học Đồng Tháp đã đạt được nhiều thành quả quan trọng trong công tác đào tạo những năm gần đây, được

Email: pvtac@thu.edu.vn

xếp trong nhóm 14 cơ sở giáo dục trọng điểm của cả nước. Tuy nhiên, cũng như các cơ sở giáo dục khác trong nước, Trường cũng đang gặp phải tình trạng SV tốt nghiệp trễ tiến độ. Số liệu ghi nhận tại Khoa Ngoại ngữ cho thấy, tỷ lệ tốt nghiệp đúng tiến độ của SV ngành Ngôn ngữ Anh có xu hướng giảm trong những năm gần đây, cụ thể là khóa tuyển sinh 2018 (tốt nghiệp 2022): 84,13%, năm 2019: 68,97%; năm 2020: 71,43%; năm 2021: 65,45; năm 2022: 61,54%. Mặc dù đã xác định được SV tốt nghiệp trễ tiến độ xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ quan và khách quan nhưng hiện nay Khoa vẫn chưa có những giải pháp đồng bộ, mạnh mẽ và thực sự hiệu quả để cải thiện vấn đề này.

Xuất phát từ thực tiễn trên, chúng tôi nghiên cứu đề tài: *“Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tiến độ tốt nghiệp của SV ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Đồng Tháp”* nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến việc tốt nghiệp trễ tiến độ của SV trong Khoa. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn hữu ích cho Ban giám hiệu nhà trường, Khoa Ngoại ngữ, các phòng ban chức năng và giảng viên trong việc cải thiện công tác quản lý đào tạo, công tác giảng dạy, tư vấn, hỗ trợ nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn thời gian tới.

2. Những vấn đề chung về việc tốt nghiệp đúng tiến độ của sinh viên

2.1. Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Đồng Tháp về vấn đề tốt nghiệp của sinh viên

Theo Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì SV hệ chính quy cần thỏa mãn các tiêu chí cốt lõi gồm: tích lũy đủ khối lượng kiến thức toàn khóa (từ 120-150 tín chỉ tùy theo chương trình đào tạo cử nhân hay kỹ sư); đạt điểm trung bình chung tích lũy (GPA) từ 2.0/4.0 trở lên; hoàn thành các chuẩn đầu ra bắt buộc (tin học, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, chuẩn đầu ra ngoại ngữ; đồng thời không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kỷ luật đình chỉ học tập tại thời điểm xét tốt nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012). Ngoài các quy định trên, Trường Đại học Đồng Tháp cũng nêu rõ thời gian tối đa hoàn thành khóa học (không quá gấp đôi thời gian thiết kế chuẩn, chẳng hạn chương trình 4 năm tối đa là 8 năm).

2.2. Những đặc điểm chung về việc tổ chức đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Đồng Tháp

2.2.1. Yếu tố có ảnh hưởng đến vấn đề tốt nghiệp của sinh viên

Tiến độ học tập và khả năng tốt nghiệp đúng hạn của SV đại học là một vấn đề đa chiều, chịu sự chi phối đồng thời của nhiều nhóm nhân tố. Tác giả Nguyễn Mạnh Hùng và nhóm cộng sự (2020) đã khẳng định: *“Kết quả học tập của SV chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố, kể cả những yếu tố thuộc về đặc điểm nội tại SV và những yếu tố môi trường bên ngoài SV”*, cụ thể: - Nhóm yếu tố cá nhân bao gồm năng lực học tập, động cơ học tập, kỹ năng quản lý thời gian, quản lý cảm xúc; - Các yếu tố thuộc về nhà trường như chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, công tác cố vấn học tập, cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường học tập; - Nhóm yếu tố gia đình cũng chi phối kết quả học tập của SV, ví dụ như điều kiện kinh tế, sự quan tâm đôn đốc, hỗ trợ của gia đình; - Những vấn đề có tính xã hội như: sự tác động của bạn bè, thầy cô, môi trường sống, cơ hội việc làm, chính sách của Nhà nước đối với học sinh, SV.

2.2.2. Đặc điểm của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Đồng Tháp

Về nền tảng năng lực ngoại ngữ đầu vào: SV trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Anh tại trường đến từ nhiều địa phương khác nhau trong vùng. Trong đó, một bộ phận không nhỏ SV có điểm xuất phát về năng lực tiếng Anh (đặc biệt là các kỹ năng nghe, nói và phản xạ giao tiếp) còn hạn chế do điều kiện học tập ở bậc phổ thông và các vùng nông thôn chưa đồng đều.

Về đặc điểm tâm lý và động lực học tập: Phần lớn SV có thái độ học tập nghiêm túc nhưng vẫn còn một số lượng lớn SV gặp khó khăn trong việc trau dồi kỹ năng biên-phiên dịch do thiếu môi trường thực tế để tập luyện. Bên cạnh đó, SV ngành Ngôn ngữ Anh có tâm lý muốn trở thành giáo viên sau khi ra trường nên chưa thật sự chú tâm phát triển các nhóm kiến thức, kỹ năng dành riêng cho ngành học.

Về hoàn cảnh kinh tế và áp lực việc làm thêm: Do đặc thù địa bàn miền Tây Nam Bộ, nhiều SV là con em gia đình thuần nông hoặc lao động phổ thông phải đối mặt với áp lực tài chính trong suốt quá trình

học đại học. Để trang trải học phí và chi phí sinh hoạt, một tỷ lệ không nhỏ SV thường xuyên tham gia làm thêm ngoài giờ (như dạy gia sư, phục vụ nhà hàng, bán hàng trực tuyến). Việc phân bổ thời gian chưa hợp lý giữa việc làm thêm và học tập chuyên ngành ngoại ngữ thường là nguyên nhân chính làm giảm sút thời gian tự học, dẫn đến việc tích lũy tín chỉ bị chậm trễ và ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ tốt nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung khảo sát SV ngành Ngôn ngữ Anh, bao gồm trong đó nữ chiếm đa số với 75,0% (n = 75) và nam chiếm 25,0% (n = 25). Xét theo năm học, SV năm 4 chiếm tỷ lệ cao nhất (43,0%), tiếp theo là SV năm thứ 2 (29,0%), năm thứ 3 (20,0%) và nhóm sau năm thứ 4 (8,0%). Thời gian khảo sát vào năm học 2025-2026.

3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo 5 mức độ Likert, bao gồm các yếu tố chính: (i) cá nhân, (ii) gia đình, (iii) nhà trường và (iv) xã hội. Sau khi được giải thích mục đích của khảo sát, các SV đồng ý tham gia bằng cách trả lời câu hỏi được gửi qua link Google form với tinh thần tự nguyện, hỗ trợ nhau thực hiện đề tài. Kết quả thu được từ bảng hỏi được mã hóa và xử lý bằng phần mềm thống kê dữ liệu SPSS, phiên bản 26.0.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định độ tin cậy thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy cả bốn nhóm yếu tố đều đạt yêu cầu và có độ tin cậy tốt. Cụ thể, thang đo Yếu tố cá nhân đạt hệ số Cronbach's Alpha là 0,717; Yếu tố nhà trường đạt 0,864; Yếu tố gia đình đạt 0,921; Yếu tố xã hội đạt 0,837. Tất cả các hệ số đều lớn hơn ngưỡng chấp nhận 0,7, trong đó thang đo Yếu tố gia đình có độ tin cậy rất cao ($\alpha > 0,9$), còn các thang đo Yếu tố nhà trường và Yếu tố xã hội có độ tin cậy cao. Bên cạnh đó, hệ số tương quan biến tổng hiệu chỉnh (Corrected Item-Total Correlation) của các biến quan sát trong cả bốn thang đo đều lớn hơn 0,3, dao động từ 0,357 đến 0,856, cho thấy các biến quan sát đều có sự tương quan chặt chẽ với thang đo tổng thể.

4.2. Thống kê EFA

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho thấy dữ liệu nghiên cứu hoàn toàn phù hợp để thực hiện phân tích nhân tố với hệ số KMO đạt 0,772 ($> 0,5$) và kiểm định Bartlett's Test có giá trị Sig. = 0,000 ($< 0,05$). Kết quả EFA đã trích được 05 nhân tố có giá trị Eigenvalue lớn hơn 1, với tổng phương sai trích đạt 68,912%, cho thấy các nhân tố được rút trích có khả năng giải thích tốt sự biến thiên của bộ dữ liệu. Đồng thời, các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố (Factor Loading) lớn hơn 0,5, chứng tỏ các biến có ý nghĩa trong việc giải thích các nhân tố và đạt giá trị hội tụ.

4.3. Thống kê mô tả các yếu tố riêng lẻ

Trước hết, chúng tôi thực hiện thống kê mô tả (phần mềm SPSS, phiên bản 26). Kết quả thống kê mô tả cho thấy các biến quan sát thuộc nhóm Yếu tố cá nhân có giá trị trung bình (Mean) dao động từ 3,04 đến 3,54 trên thang đo Likert 5 mức. Trong đó, biến "*Tôi còn thiếu các kỹ năng mềm hỗ trợ học tập (quản lý thời gian, lập kế hoạch...)*" có giá trị trung bình cao nhất (Mean = 3,54; SD = 0,892), cho thấy đây là một trong những khó khăn cá nhân được SV cảm nhận rõ nhất và có khả năng ảnh hưởng đến tiến độ tốt nghiệp.

Bảng 1: Thống kê mô tả yếu tố cá nhân

Variable	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
CN1	100	1	5	3.51	0.959
CN2	100	2	5	3.54	0.892
CN3	100	1	5	3.12	1.131

CN4	100	1	5	3.04	1.222
CN5	100	1	5	3.19	1.107
Valid N (listwise)	100				

Tiếp theo là biến “Tôi chưa lựa chọn được phương pháp học tập phù hợp cho bản thân” với giá trị trung bình 3,51 (SD = 0,959). Trong khi đó, biến “Tôi còn chủ quan trong việc học Ngoại ngữ 2 và Tin học (chờ học chứng chỉ)” có giá trị trung bình thấp nhất (Mean = 3,04; SD = 1,222), cho thấy mức độ đồng thuận của SV đối với yếu tố này không cao bằng các yếu tố cá nhân khác. Đồng thời, độ lệch chuẩn của biến này cũng lớn nhất, phản ánh sự khác biệt tương đối lớn giữa các ý kiến của SV.

Tiếp theo, chúng tôi thực hiện kiểm định mô tả đối với yếu tố Gia đình. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố thuộc nhóm Gia đình đều có giá trị trung bình cao, dao động từ 3,99 đến 4,19.

Bảng 2: Thống kê mô tả yếu tố gia đình

Variable	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
GD1	100	1	5	4.19	0.720
GD2	100	1	5	4.14	0.725
GD3	100	1	5	3.99	0.759
GD4	100	1	5	4.08	0.748
Valid N (listwise)	100				

Điều này phản ánh rằng SV ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Đồng Tháp đánh giá cao vai trò của gia đình trong quá trình học tập và hoàn thành chương trình đào tạo đúng tiến độ. Đặc biệt, yếu tố “Gia đình tạo điều kiện thuận lợi về vật chất cho việc học tập” có giá trị trung bình cao nhất (Mean = 4,19), cho thấy sự hỗ trợ về tài chính, điều kiện sinh hoạt và học tập từ gia đình là nền tảng quan trọng giúp SV duy trì việc học và hạn chế nguy cơ kéo dài thời gian đào tạo. Bên cạnh đó, các yếu tố liên quan đến sự động viên, quan tâm và làm gương của gia đình cũng được SV đánh giá ở mức cao, với giá trị trung bình đều xấp xỉ hoặc lớn hơn 4,0. Kết quả này cho thấy gia đình không chỉ đóng vai trò hỗ trợ về vật chất mà còn là nguồn động viên tinh thần quan trọng đối với SV.

Một kiểm định nữa mà chúng tôi thực hiện thống kê mô tả đó là yếu tố Nhà trường. Kết quả như sau:

Bảng 3: Thống kê mô tả yếu tố nhà trường

Variable	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
NT1	100	1	5	3.72	0.854
NT2	100	1	5	3.43	0.977
NT3	100	1	5	3.21	0.998
NT4	100	1	5	3.25	1.009
NT5	100	1	5	3.28	0.866
Valid N (listwise)	100				

Kết quả thống kê trên cho thấy các yếu tố thuộc nhóm Nhà trường được SV đánh giá có ảnh hưởng ở mức tương đối đến tiến độ tốt nghiệp, với giá trị trung bình dao động từ 3,21 đến 3,72. Trong đó, yếu tố khó khăn trong việc đăng ký học phần theo kế hoạch có mức ảnh hưởng cao nhất (Mean = 3,72), cho thấy đây là trở ngại đáng kể đối với quá trình hoàn thành chương trình học đúng thời hạn. Các yếu tố như chương trình đào tạo, học phí, cơ sở vật chất và hoạt động đoàn hội cũng được đánh giá là có tác động nhất định đến tiến độ học tập. Nhìn chung, kết quả cho thấy công tác quản lý đào tạo và các điều kiện hỗ trợ học tập từ phía nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc giúp SV hoàn thành chương trình đào tạo đúng tiến độ.

Cuối cùng, chúng tôi thực hiện kiểm định đối với yếu tố Xã hội. Kết quả thống kê mô tả cho thấy các yếu tố thuộc nhóm Xã hội được SV đánh giá có ảnh hưởng tương đối đến tiến độ tốt nghiệp, với giá trị trung bình dao động từ 3,16 đến 3,80. Trong đó, yếu tố “Giá cả thức ăn, xăng xe, điện nước tăng làm gia

tăng chi phí học tập” có mức độ ảnh hưởng cao nhất (Mean = 3,80), cho thấy áp lực chi phí sinh hoạt là một trong những khó khăn đáng kể đối với SV trong quá trình học tập.

Bảng 4: Thống kê mô tả yếu tố xã hội

Variable	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
XH1	100	1	5	3.80	0.853
XH2	100	1	5	3.16	0.907
XH3	100	1	5	3.50	0.969
XH4	100	1	5	3.28	0.965
XH5	100	1	5	3.51	0.893
XH6	100	1	5	3.71	0.957
Valid N (listwise)	100				

Bên cạnh đó, yếu tố “Sự phát triển của AI khiến cơ hội việc làm ngành Ngôn ngữ bị thu hẹp trong tương lai” (Mean = 3,71) và “Thực trạng mức lương khởi điểm của cử nhân còn thấp” (Mean = 3,51) cũng được SV đánh giá có ảnh hưởng khá lớn đến động lực học tập và kế hoạch tốt nghiệp. Trong khi đó, các yếu tố như tham gia hoạt động đoàn thể, môi trường sống và sự xao nhãng từ các tác động bên ngoài có mức ảnh hưởng thấp hơn nhưng vẫn được SV ghi nhận.

4.4. Bàn luận kết quả nghiên cứu

Kết quả thống kê mô tả cho thấy cả bốn nhóm yếu tố cá nhân, gia đình, nhà trường và xã hội đều được SV đánh giá là có ảnh hưởng đến tiến độ tốt nghiệp, với các giá trị trung bình đều lớn hơn 3,0. Trong đó, yếu tố gia đình được đánh giá có mức độ ảnh hưởng lớn nhất, với giá trị trung bình của các biến quan sát dao động từ 3,99 đến 4,19. Đặc biệt, nội dung “Gia đình tạo điều kiện thuận lợi về vật chất cho việc học tập” đạt giá trị trung bình cao nhất (Mean = 4,19), cho thấy sự hỗ trợ từ gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc giúp SV duy trì việc học và hoàn thành chương trình đào tạo đúng tiến độ.

Tiếp theo là yếu tố xã hội, với giá trị trung bình dao động từ 3,16 đến 3,80, trong đó áp lực từ chi phí sinh hoạt gia tăng được SV đánh giá là có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình học tập. Yếu tố nhà trường có mức độ ảnh hưởng trung bình từ 3,21 đến 3,72, nổi bật là khó khăn trong việc đăng ký học phần theo kế hoạch. Trong khi đó, yếu tố cá nhân có giá trị trung bình dao động từ 3,04 đến 3,54 và là nhóm yếu tố được đánh giá có mức độ ảnh hưởng thấp nhất trong bốn nhóm nghiên cứu. Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến kỹ năng mềm và phương pháp học tập vẫn được SV xem là những trở ngại đáng lưu ý đối với tiến độ tốt nghiệp.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy sự hỗ trợ từ gia đình là yếu tố có tác động mạnh nhất đến tiến độ tốt nghiệp của SV ngành Ngôn ngữ Anh, trong khi các yếu tố cá nhân có mức độ tác động thấp hơn so với các nhóm yếu tố còn lại. Điều này cho thấy bên cạnh sự nỗ lực của bản thân SV, sự đồng hành của gia đình, các điều kiện xã hội và môi trường đào tạo của nhà trường đều có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo SV hoàn thành chương trình học đúng thời hạn.

5. Kết luận và Khuyến nghị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã xác định bốn nhóm yếu tố ảnh hưởng đến tiến độ tốt nghiệp của SV ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Đồng Tháp, gồm: yếu tố cá nhân, gia đình, nhà trường và xã hội. Kết quả kiểm định Cronbach’s Alpha và phân tích EFA cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy và giá trị sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả thống kê mô tả cho thấy cả bốn nhóm yếu tố đều có ảnh hưởng nhất định đến tiến độ tốt nghiệp của SV. Trong đó, yếu tố gia đình được đánh giá có mức độ ảnh hưởng cao nhất, thể hiện qua sự hỗ trợ về vật chất, sự quan tâm và động viên từ gia đình đối với quá trình học tập của SV. Tiếp theo là yếu tố xã hội và yếu tố nhà trường, với các nội dung nổi bật như áp lực chi phí sinh hoạt và khó khăn trong đăng ký học phần. Yếu tố cá nhân có mức độ ảnh hưởng thấp hơn nhưng vẫn là nhóm yếu tố quan trọng, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến kỹ năng mềm và phương pháp học

tập. Từ kết quả nghiên cứu, có thể thấy việc bảo đảm SV tốt nghiệp đúng tiến độ đòi hỏi sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và bản thân SV. Các giải pháp hỗ trợ về điều kiện học tập, định hướng nghề nghiệp, kỹ năng học tập và công tác quản lý đào tạo sẽ góp phần nâng cao tỷ lệ SV hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn.

5.2. Khuyến nghị

Sinh viên cần thể hiện tinh trách nhiệm, tích cực, chủ động trong việc học tập của mình bằng cách “Xác định rõ mục tiêu học tập” và “Lập kế hoạch để hình thành động lực học tập” (Đình và cộng sự, 2022). Đồng thời, SV cần “Tự giác tạo dựng cho bản thân một phương pháp học tập hiệu quả và hợp lý, rèn luyện các kỹ năng cơ bản” (Phan và cộng sự, 2020). Khi đã có mục tiêu, kế hoạch và tinh thần tự giác, SV sẽ hoàn thành tốt từng học phần, đạt các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học đúng thời hạn, tránh tâm lý chủ quan dẫn đến kéo dài thời gian đào tạo.

Khoa Ngoại ngữ cần tiếp tục tham mưu với nhà trường về các chính sách nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đào tạo, đặc biệt là công tác đăng ký học phần nhằm để hạn chế tình trạng SV không đăng ký được môn học theo kế hoạch. Bên cạnh đó, nhà trường cần tiếp tục cải thiện cơ sở vật chất phục vụ học tập bởi “Hệ thống cơ sở vật chất khang trang sẽ tạo ra không gian học tập, vui chơi thoải mái” (Đình và cộng sự, 2018).

Phụ huynh cần tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ cả về vật chất lẫn tinh thần cho SV. Gia đình nên thường xuyên quan tâm đến tình hình học tập, động viên và định hướng kịp thời để SV duy trì động lực học tập, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi về tài chính nhằm hạn chế những khó khăn có thể làm ảnh hưởng đến tiến độ học tập.

Khoa và các tổ chức Đoàn - Hội cần tăng cường hoạt động tư vấn nghề nghiệp, liên kết với các công tác khác của nhà trường để SV có phương pháp, rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho hành trang lập nghiệp, từ đó giúp SV có định hướng tốt hơn trong học tập và đạt được kết quả học tập tốt hơn (Đình và cộng sự, 2022). Ngoài ra, cần mở rộng các chương trình học bổng, hỗ trợ tài chính và tạo điều kiện tiếp cận các cơ hội việc làm bán thời gian phù hợp nhằm giảm bớt áp lực kinh tế, giúp SV tập trung học tập và hoàn thành chương trình đào tạo đúng tiến độ.

Chú thích

(*) Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài mã số: SPD2025.02.12.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012). *Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

Đình, T. H., Hoàng, T. N. D., & Lê, T. K. T. (2018). Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế Trường Đại học Đồng Nai. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai*, (11), 18-29.

Đình, T. T. H., Vũ, T. L., Vũ, H. N., & Nguyễn, T. L. (2022). Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kết quả học tập của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy khóa 14, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm học 2018-2019. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 5(2), 72-83.

Lê, V. N., & Nguyễn, T. T. (2023). Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến tiến độ tốt nghiệp theo chương trình đào tạo của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 59 (Chuyên đề Giáo dục Đồng bằng sông Cửu Long), 108-115. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2023.099>.

Nguyễn, M. H., Hoàng, T. K. T., Nguyễn, T. T., & Phan, T. B. H. (2020). Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 129(6C), 137-150. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jssh.v129i6C.5678>.

Nguyễn, T. Q. (2024). Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên chưa tốt nghiệp đúng hạn tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 22(2), 37-44.

Phan, T. H. T., Nguyễn, T. H., & Nguyễn, H. T. (2020). Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp tại Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, (219), 69-80.